TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2018/DS-PT.
Ngày: 6/7/2018
Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Minh Trang

Ông Nguyễn Thành Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 và ngày 6 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2017/QĐPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ông Trang H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu phố D, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2018.

- Bị đơn: Bà Hoàng Mỹ Anh P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: đường Đ, phường E, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Lâm Thành L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: đường Đ, phường E, thành phố C, tỉnh Kiên Giang. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2016.

2. Ông Lê Minh T1, sinh năm 1977.

3. Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: đường K, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

Ông T1, ông T2 đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950.

Địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Lâm Thành L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: đường Đ, phường E, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường G, phường H, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Mỹ Anh P.

(Ông T, ông L, ông T1 có mặt; ông H, bà P, ông T2, bà H vắng mặt; Bà L có mặt tại phiên tòa ngày 06/7/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trang H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/7/2014 bà P có mượn của ông Trang H số tiền 500.000.000 đồng, có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, mục đích bà P mượn tiền để xoay sở việc gia đình và hứa 12 tháng sẽ trả số tiền nêu trên cho ông H, đến nay đã quá hạn nhưng bà P không trả số tiền trên.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả cho ông H số tiền 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, ông H chỉ yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà P, không yêu cầu trách nhiệm của chồng bà P là ông L.

- Bị đơn bà Hoàng Mỹ Anh P và đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bà P và ông H có làm ăn qua lại, năm 2012 bà P có viết và ký tên vào biên nhận xác định thiếu ông Trang H số tiền 500.000.000 đồng, bà P đã quyết toán xong số tiền trên cho ông H nhưng quên lấy lại biên nhận gốc.

Do từ cuối năm 2012 bà P và ông H xích mích lớn nên hai bên không còn làm ăn với nhau. Ông H có ý đồ xấu nên đã dùng biên nhận của bà P viết năm 2012 để bôi xóa, sửa chữa thành năm 2014 để khởi kiện bà P, yêu cầu bà P trả số tiền 500.000.000 đồng.

Nay bà P không đồng ý trả số tiền 500.000.000 đồng theo yêu cầu của ông H, yêu cầu Tòa án bác yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thành L trình bày: Bà P không còn nợ ông H theo yêu cầu khởi kiện của ông H, số nợ trên đã được bà P trả cho ông H vào năm 2012, do khi trả xong nợ bà P không lấy lại biên nhận nên ông H mới dùng biên nhận cũ để tẩy xóa khởi kiện nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông Trang H có cho bà Hoàng Mỹ Anh P mượn số tiền 500.000.000 đồng, đến nay bà P vẫn chưa trả, bà thống nhất yêu

cầu khởi kiện của ông H, yêu cầu bà P trả nợ cho ông H, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trang H về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Hoàng Mỹ Anh P.

- Buộc bà Hoàng Mỹ Anh P phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trang H số tiền 500.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 30/6/2017 bà Hoàng Mỹ Anh P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm:

Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị xem xét lại trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Nội dung bản án tuyên không khách quan, không đúng thực tế của vụ việc, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/6/2018 ông Lâm Thành L đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà P yêu cầu Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm do: Biên nhận ông H khởi kiện không do bà P viết vì nếu biên nhận này viết năm 2012 thì của bà P viết, biên nhận ghi năm 2014 là không phải do bà P viết; Bản án sơ thẩm nhận định không khách quan, xử oan sai. Ông H cấu kết với một số người ghi thêm ngày tháng và sửa chữa mà Tòa sơ thẩm chưa xác minh làm rõ. Lời khai của ông T đại diện ông H tại Tòa sơ thẩm và lời khai tại Tòa phúc thẩm người ghi thêm ngày tháng năm vào biên nhận nợ khởi kiện là khác nhau. Đề nghị xác định bà P không nợ ông H theo Biên nhận ông H khởi kiện. Yêu cầu Hội đồng xét xử cho giám định lại nội dung biên nhận nợ và màu mực viết ghi trong biên nhận nợ.

Về tình và lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc ông H không phản tố trong vụ án vợ chồng bà P ông L khởi kiện ông H tại Tòa án C để cấn trừ, vì biên nhận ông H nợ vợ chồng bà P và biên nhận bà P nợ ông H cách nhau 13 ngày mà không cấn trừ hoặc nợ không trả mà cho mượn là vô lý. Ông H cho rằng bà P mượn tiền không cho ông L biết là không phù hợp với hoàn cảnh điều kiện của gia đình bà P. Đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập người cháu ông H ghi thêm ngày tháng năm vào biên nhận để làm rõ việc cấu kết chiếm đoạt tài sản của bà P.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Minh T1 thống nhất theo lời trình bày của ông L. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng:

Tòa án sơ thẩm cho nộp tạm ứng án phí phúc thẩm chưa đúng quy định 300.000 đồng làm thiệt cho Nhà nước (BL 127); Biên bản công khai chứng cứ (BL 36); biên bản hòa giải ngày 25/11 kết thúc ghi ngày 25/10.

Biên nhận nợ theo khởi kiện của ông H đối với vụ án này ngày tháng năm ghi trong biên nhận nợ là yếu tố quyết định nội dung tranh chấp, do hai bên có mối làm ăn với nhau nên khi thanh toán ông H còn giữ lại biên nhận nợ đã thanh toán của bà P, tại sao ông H không lấy biên nhận bà P đã thanh toán cung cấp cho Hội đồng xét xử phúc thẩm mà lấy biên nhận 500.000.000 đồng trùng khớp với số tiền bà P ông L kiện khởi kiện. Trách nhiệm chứng minh biên nhận theo khởi kiện do bà P viết năm 2014 thuộc về ông H chứ không phải bà P chứng minh viết năm 2012. Cần phải triệu tập cháu ông H là bà L người ghi thêm ngày tháng năm của biên nhận là người liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm. Nếu thấy giữa cháu ông H là bà L có sự cấu kết vi phạm pháp luật hình sự thì đề nghị chuyển hồ sơ cho Công an khởi tố hình sự.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông H và các lời trình bày tại Tòa. Yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm, không đồng ý theo lời trình bày của đại diện bị đơn về việc giám định lại biên nhận và hủy án sơ thẩm, ông có trách nhiệm thông báo với bà L là người ghi thêm ngày tháng năm vào biên nhận nợ có mặt tại tòa theo triệu tập của tòa án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/7/2018:

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim L có ý kiến: bà không quen biết bà Hoàng Mỹ Anh P, bà gọi ông H là cậu do quen biết ngoài xã hội, khoảng 3- 4 năm trước bà có đến nhà ông H chơi, ông H có nhờ bà viết ngày tháng năm vào biên nhận, ông H nói biên nhận do người phụ nữ viết nhưng quên ghi ngày tháng năm nên nhờ bà viết giùm, khi đó bà viết ngày 29/07/2016, sau đó khoảng 5-10 ngày ông H có nói với bà là viết sai năm 2014 thành 2016, sau đó ai sửa số năm trong biên nhận thì bà không biết, bà thừa nhận chữ số viết 29/07/201 trong biên nhận ghi ngày 29/07/2016 là do bà viết, khi viết ngày tháng năm trong biên nhận bà không có mục đích cũng không biết ông H nhờ ghi ngày tháng năm để làm gì, chỉ nghĩ ông H nhờ viết nên viết giùm, bà nghĩ chỉ viết số không viết nội dung biên nhận nên không ảnh hưởng đến ai, việc mâu thuẫn giữa ông H và bà P bà không liên quan.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lâm Thành L yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, lý do yêu cầu hủy án như đã trình bày tại phiên tòa ngày 15/6/2018, yêu cầu xem xét việc ông H không phản tố cấn trừ số nợ 500.000.000đ bà P nợ để giải quyết trong vụ án ông L bà P kiện ông H bà H số tiền 500.000.000đ.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Minh T1 đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, không có Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa, không thu thập chứng cứ đối với bà L, bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có mặt trong phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung thời gian ghi biên nhận nợ là rất quan trọng và ảnh hưởng đến trách nhiệm trả nợ của bị đơn, giữa ông H, bà H với ông L, bà P có cấn trừ nợ năm 2016, tại Biên bản hòa giải vụ án tranh chấp giữa nguyên đơn ông L, bà P với bị đơn ông H bà H, ông T đại diện nguyên đơn thừa nhận có việc cấn trừ nợ giữa hai bên. Trong 04 biên nhận nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa ngày 15/6/2018 đều thể hiện bà P ghi mượn tiền của ông H, đến biên nhận ngày 29/07/2016 thì ghi thiếu tiền thể hiện là hai bên có cấn trừ nợ. Nếu ông H cho rằng chữ "R" viết trong 04 biên nhận ông H cung cấp do bà P viết khi thanh toán xong thì ông H có nghĩa vụ chứng minh.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày: giữ nguyên ý kiến tranh luận đã trình bày tại phiên tòa ngày 15/6/2018, trước đây giữa bà P, ông L và ông H bà H có tranh chấp nhưng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán đất, Thẩm phán có hướng dẫn hai vụ kiện khác nhau nên ông H không phản tố, khi ông L yêu cầu thi hành án ông H có yêu cầu bà P trả số tiền 500.000.000đ bà P nợ thì bà P không trả nên ông H mới khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: cấp sơ thẩm đã triệu tập đầy đủ người tham gia tố tụng nên kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

Bà P không có chứng cứ chứng minh biên nhận nguyên đơn khởi kiện là biên nhận do bà P viết năm 2012 đã thanh toán nhưng chưa lấy lại, theo kết quả giám định của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an thể hiện không đủ cở sở

kết luận thời gian toàn bộ nội dung trong biên nhận nợ là viết vào ngày tháng năm nào. Việc bà L là người làm chứng ghi ngày tháng năm trong biên nhận không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, bị đơn không có chứng cứ chứng minh không nợ nguyên đơn số tiền 500.000.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Mỹ Anh P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tòa sơ thẩm có thiếu sót về tố tụng đối với việc ghi ngày tháng năm trong biên bản hòa giải (BL 36) và cho nộp tạm ứng án phí phúc thẩm ít hơn quy định pháp luật nhưng không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát cùng cấp không tham gia phiên tòa sơ thẩm do vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L là người ghi thêm ngày tháng năm trong biên nhận nhưng cấp sơ thẩm chưa triệu tập bà L do tại cấp sơ thẩm nguyên đơn chưa khai bà L là người ghi thêm ngày tháng năm vào biên nhận nợ, tại cấp phúc thẩm Tòa án đã triệu tập bà L làm rõ việc ghi ngày tháng năm vào biên nhận nợ.

[2]. Xét kháng cáo của bà P về biên nhận nợ theo khởi kiện của ông H: Tại cấp phúc thẩm Tòa án đã trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh giám định thời điểm viết nội dung biên nhận nợ theo yêu cầu của bị đơn. Tại Kết luận giám định số 529/C54B ngày 31/01/2018 của Phân Viện Khoa học hình sự: không đủ cơ sở kết luận thời gian viết của biên nhận nợ năm nào. Tại phiên tòa đại diện bị đơn yêu cầu cho giám định lại nội dung biên nhận nợ là không cần thiết.

Xét thấy tại tòa sơ thẩm và phúc thẩm đại diện bà P thừa nhận biên nhận nợ ông H khởi kiện (BL 02) là do bà P viết ngày 02/01/2012 đã thanh toán xong với ông H nhưng quên không lấy lại biên nhận, ông H ghi thêm ngày tháng năm để khởi kiện nhưng trong suốt quá trình tố tụng từ cấp sơ thẩm đến phúc thẩm bà P và đại diện không có chứng cứ hợp pháp chứng minh về việc đã thanh toán nợ nhưng không lấy lại biên nhận. Đối với việc ông H không phản tố trong vụ kiện ông L bà P kiện ông H tại Tòa sơ thẩm, hoặc ông H nợ ông L bà P không trả mà cho bà P mượn tiền, hai biên nhận nợ chỉ cách nhau 13 ngày cũng không phải là chứng cứ hợp pháp để bà P chứng minh không nợ ông H theo biên nhận ông H khởi kiện. Đồng thời quy định pháp luật về Tố tụng dân sự và Bộ luật dân sự

cũng không buộc phản tố là nghĩa vụ của đương sự hoặc khi có nợ thì phải trả mà không được cho mượn nợ như ý kiến trình bày của đại diện bị đơn.

[3]. Đối với ông H nhờ người khác là bà L ghi thêm ngày tháng năm vào biên nhận nợ và sửa số năm trong biên nhận không có mặt và không báo với bà P tại thời điểm ghi thêm và sửa chữa là không đúng theo việc lập văn bản giao dịch. Tuy nhiên việc ghi thêm ngày tháng năm không ảnh hưởng đến số tiền nợ, nghĩa vụ thanh toán nợ theo biên nhận, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số nợ; bị đơn không chứng minh được giữa nguyên đơn và người ghi thêm ngày tháng năm vào biên nhận nợ có mục đích cấu kết để chiếm đoạt tài sản của bị đơn theo lời trình bày. Căn cứ theo quy định nghĩa vụ chứng minh của đương sự tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì trách nhiệm chứng minh biên nhận nợ được lập năm 2012 và đã thanh toán xong giữa hai bên là thuộc về bị đơn.

[4]. Đối với đơn yêu cầu của ông L nộp trong thời gian Hội đồng xét xử nghị án về việc yêu cầu chuyển hồ sơ sang Công an điều tra để làm rõ mục đích viết ngày tháng năm và sửa năm, việc ông H cấu kết để chiếm đoạt tài sản của bà P. Xét thấy tại cấp sơ thẩm bị đơn có yêu cầu chuyển hồ sơ, sau đó rút yêu cầu chuyển hồ sơ sang Công an. Thủ tục tố tụng dân sự không quy định trong thời gian giải quyết vụ án Tòa án chuyển hồ sơ cho Công an khi có đơn yêu cầu của đương sự tại Tòa án để Công an khởi tố vụ án hình sự.

Do đó trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Mỹ Anh P và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C .

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà P phải nộp án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là: [20.000.000 đồng + (4% x 100.000.000đ)] = 24.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trang H số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng theo biên lai thu của cơ quan thi hành án.

Án phí phúc thẩm: Bà P phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của cơ quan thi hành án, bà P còn phải nộp thêm 100.000 đồng.

- Chi phí giám định: Căn cứ điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn bà P phải nộp chi phí giám định là 900.000đ theo Phiếu thu ngày 16/5/2018 của

Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện bà P đã nộp tiền tạm ứng giám định và được khấu trừ xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Mỹ Anh P.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trang H về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Hoàng Mỹ Anh P.

Buộc bà Hoàng Mỹ Anh P phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trang H số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà P phải nộp án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là: 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Trang H số tiền tạm ứng án phí 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0008921 ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án phí phúc thẩm: Bà P phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009278 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, bà P còn phải nộp thêm 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

- Chi phí giám định: Căn cứ điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn bà P phải nộp chi phí giám định là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) theo Phiếu thu ngày 16/5/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện bà P đã nộp tiền tạm ứng giám định và được khấu trừ xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường